

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU TÂM TRẠNG TRẦN NGUYỄN ĐÁN TRƯỚC THỜI CUỘC KHỦNG HOẢNG SUY TÀN ⁽¹⁾

NGUYỄN HOÀNG THÂN ^(*)

Nhìn chung từ xưa đến nay, người ta nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam hay nghiên cứu về văn học Lí - Trần hoặc văn học thời Trần thường chủ yếu nghiên cứu về những tác phẩm phản ánh thời đại hoàng kim, phản ánh xã hội tốt đẹp, phản ánh khí thế chống giặc giữ nước hào hùng; trái lại, những tác phẩm phản ánh về thời cuộc khủng hoảng suy tàn thường ít được chú ý khai thác, tìm hiểu, nghiên cứu. Tác phẩm của Trần Nguyên Đán cũng thuộc trong số tác phẩm ít được quan tâm nghiên cứu.

Đọc tác phẩm của Trần Nguyên Đán, chúng ta thấy thơ văn ông chất chứa nhiều tâm trạng trước thời cuộc khủng hoảng suy tàn. Trần Nguyên Đán là một người thuộc dòng dõi quý tộc, đồng thời cũng là người từng giữ những chức vụ quan trọng trong xã hội nhà Trần, vì vậy ông luôn luôn quan tâm đến sự thịnh suy của quốc gia, sự tồn vong của dòng tộc. Mặt khác, Trần Nguyên Đán cũng có ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách, tư tưởng của Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi, đặc biệt là Nguyễn Trãi - một vĩ nhân của dân tộc. Thế nhưng có rất ít tài

liệu hoặc công trình chuyên khảo nghiên cứu về tâm trạng ưu thời mẫn thế của ông. Chính vì vậy chúng tôi chọn vấn đề này làm đề tài nghiên cứu của mình.

Hiện nay, chúng ta rất khó xác định một cách chính xác tài liệu nào viết về Trần Nguyên Đán (cuộc đời và thơ văn) đầu tiên, bởi vì có một số tài liệu viết về Trần Nguyên Đán mà hiện nay chúng ta có trong tay vẫn chưa biết được thời gian cụ thể. Ngoài những tài liệu chưa có niên đại xác định ra, trong số các tài liệu biết thời gian cụ thể viết về Trần Nguyên Đán đầu tiên có lẽ là 清池光烈朱氏遺書 *Thanh Trì Quang Liệt Chu thị di thư* do Chu Văn An soạn năm Khai Hựu 12 (1340), 清虛洞記 *Thanh Hư động kí* (1384) của Nguyễn Phi Khanh, 崑山清虛洞碑銘 *Côn Sơn Thanh Hư động bi minh*, 題司徒陳元旦祠堂 *Đề Tư đồ Trần Nguyên Đán từ đường* của Trần Nghệ Tông, 冰壺遺事錄 *Băng Hồ di sự lục* (1428) của Nguyễn Trãi, 越音詩集 *Việt âm thi tập* (1433) do Phan Phu Tiên biên tập, Lí Từ Tấn

^(*) Khoa Ngữ văn - ĐHSP Đà Nẵng.

phê điểm, 南翁夢錄 *Nam Ông mộng lục* (Lê Trừng viết bài *Tựa* đề năm 1438), 大越史記全書 *Đại Việt sử ký toàn thư* (1697), 公余捷記 *Công dư tiếp ký* (1755) của Vũ Phương Đề, 全越詩錄 *Toàn Việt thi lục* (1768) của Lê Quý Đôn, 御制越史總詠 *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* (1874) của Tự Đức. Và có lẽ tài liệu chữ Hán sau cùng có nhắc về Trần Nguyên Đán là tác phẩm 越南國史考 *Việt Nam quốc sử khảo* (1908) của Phan Bội Châu.

Các tài liệu viết về Trần Nguyên Đán bằng chữ Quốc ngữ có *Việt Nam sử lược* (1920) của Trần Trọng Kim, *Nguyễn Trãi* (1941) của Ngô Văn Triện, *Lược truyện các tác gia Việt Nam* (1971) của Trần Văn Giáp, *Thơ văn Lí - Trần* (1978) của Viện Văn học...

Nhìn chung, các tài liệu trên chủ yếu viết về cuộc đời và thơ văn của Trần Nguyên Đán, chưa có một công trình nào chuyên khảo về tâm trạng của ông trước thời cuộc bấy giờ.

1. Sơ lược hoàn cảnh lịch sử thời Trần Nguyên Đán

Tìm lại trong sử sách, chúng ta có thể nói ngay rằng thời kì lịch sử mà Trần Nguyên Đán từ lúc sinh ra cho đến lúc qua đời là thời kì nhà Trần đang rơi vào tình trạng khủng hoảng suy tàn. Nạn mất mùa, đói kém xảy ra liên tiếp do bão to, lụt lớn, vỡ đê, hạn hán⁽²⁾ bởi chính quyền nhà Trần không còn chăm lo đến thủy lợi, đề điều và các chính sách khuyến nông tích cực khác; quan trọng hơn là do giai cấp thống trị tăng cường vơ vét tiền của, thóc gạo của nhân dân. Trong một số bài thơ gửi tặng nhạc phụ, Nguyễn Phi Khanh đã nói lên nỗi khổ

của nhân dân trong cảnh đói kém, mất mùa lại còn bị tham quan ô lại vơ vét:

“Đạo huê thiên lí xích như thiêu,
Điền dã hưu ta ý bất liêu !...
...Lại tư vống cổ hồn đa kiệt,
Dân mệnh cao chi bán dĩ tiêu”

(*Thôn cư cảm sự kí trình
Băng Hồ tướng công*)

Mênh mông đồng lúa đỏ như thiêu,
Ngoài nội kêu than xiết nỗi sầu...
... Lưới tham quan lại vơ hầu kiệt,
Mạch sống dân gian cạn mỡ dầu

(Đào Phương Bình dịch⁽³⁾)

Do cuộc sống đói kém, mất mùa thường xuyên như vậy nên đã dẫn đến các cuộc khởi nghĩa diễn ra liên tục vào các năm 1343, 1351, 1378, 1383, 1389...

Trong nội bộ giai cấp quý tộc, xu thế phân tán đang phát triển và lan rộng, đã diễn ra hàng loạt cuộc chém giết, tranh cướp lẫn nhau và không biết bao cảnh chơi bời dâm dật của bọn vua chúa vương hầu. Sách *Thiên Nam ngữ lục*⁽⁴⁾ có đoạn:

“Hán Siêu, Trung Ngạn lo phiền,
Cớ sao cưu điều được lên thước sào.
Bền cùng Trần, Đỗ dương giao,
Giận thay Lữ hậu được sao chuyên quyền.
Cứ trong gia pháp còn truyền,
Sự chi Nhật Lễ được quyền kì cương”.
Hoặc:
“Dụ Tông việc chính để khuya,
Chung dương những mới nên mê tính
tình.

Trường chơi ca kĩ sung doanh,
Chính mặc triều đình, mình mặc du hoang”.

Quan hệ luân thường của thể tộc nhà Trần hết sức đồi bại, trái với đạo lý như Trần Trọng Kim đã viết trong *Việt Nam sử lược*: “luân thường trong nhà thì bấy: cô cháu, anh em, trong họ cứ lấy nhau, thật là trái với thể tục”⁽⁵⁾. Hay như sách *Thiên Nam ngữ lục* cũng có đoạn chép:

“Từ ấy Công chúa Thiên Ninh,
Cùng vua ăn ở như hình phu thê.
Cùng nhau chăn gối sớm khuya,
Nguồn đào nước lũ, vân nghề bấy đường”.

Lúc bấy giờ Hồ Quý Li có mưu đồ chính trị, lại được vua Trần Nghệ Tông tin dùng, giao giữ những chức vụ quan trọng. Từ đó, Hồ Quý Li trở nên lộng quyền, mưu hại rất nhiều trọng thần và tôn thất, chuẩn bị tiếm ngôi nhà Trần lập nên nhà Hồ.

Trước tình hình như vậy, ngay cả một người bình thường cũng phải xao tâm hướng gì là Trần Nguyên Đán - Tể tướng đương triều. Đối với ông, trước mắt toàn là những việc phải quan tâm, Bùi Văn Nguyên đã viết: “Trần Nguyên Đán vốn tính tình thâm trầm và có lòng ưu ái. Tuy ở ngôi Tể tướng, sống trong dinh thự nguy nga, nhưng ông vẫn nghĩ đến đời sống lầm than của dân đen, con đỏ”⁽⁶⁾. Không chỉ có vậy, Trần Nguyên Đán còn nghĩ đến đất nước, lo cho nguy cơ dòng tộc và tâm sự về cuộc đời riêng tư của mình.

2. Tâm trạng Trần Nguyên Đán trước thời cuộc khủng hoảng suy tàn

2.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Nguyên Đán

Đã có nhiều tài liệu viết về Nguyễn Trãi, một số ít tài liệu viết về Chu Văn

An, Nguyễn Phi Khanh hoặc viết về cục diện xã hội thời Trần - Hồ, do vậy ít nhiều cũng đã nhắc đến tên của Trần Nguyên Đán. Ngoài ra, có một số ít tài liệu viết riêng một cách sơ lược về tiểu sử của Trần Nguyên Đán - đó là các loại từ điển. Song, *Băng Hồ di sự lục*⁽⁷⁾ là tài liệu viết về cuộc đời và sự nghiệp của Trần Nguyên Đán tương đối sớm nhất và súc tích nhất. Do vậy, chúng tôi trích lại tài liệu này để trình bày về cuộc đời và sự nghiệp của Trần Nguyên Đán như sau: “Băng Hồ tướng công là thân tộc nhà Trần. Cha là Nhập nội Thái bảo, Uy Túc công, húy là Văn Bích, giúp triều Minh Tông thành nghiệp thái bình. Tổ là Văn Túc vương, húy là Đạo Tái, mười bốn tuổi thi đậu Bảng nhãn, triều Thánh Tông đặc ân ban cho văn phục để tỏ ý yêu quý đặc biệt, khen là có tài Quan, Các có ý muốn dùng vào việc lớn; chưa kịp lên làm tướng, vương đã mất sớm. Tăng tổ là Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh đại vương, húy là Quang Khải, con thứ của Thái Tông, đời Trung Hưng công to bậc nhất. Từng xuất chinh, Thánh Tông tặng hai cái cờ, bút ngự đề rằng:

“Nhất đại công danh thiên hạ hữu,
Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.”
(Một thời công danh, thiên hạ có,
Hai triều trung hiếu, thế gian không).

Công húy là Nguyên Đán, nếp nhà thi lễ, nòi giống thân minh, trắng trong gió mát, có nhả thú xa lánh cõi trần; ngày trắng tuổi xanh, có hoài bão một lòng vì nước. Xưa trong buổi hôn đức bội loạn, đi theo hai vua Nghệ Tông và Duệ Tông chạy ra ngoài, đến khi dẹp yên được lập làm tướng. Giữ vững cơ lay động, gỡ

môi sầu buổi rồi ren, trong khoảng mấy năm, trong nước yên lặng, người ta khen là hiền tướng. Dù là trẻ con, lính tráng, chẳng ai là không biết tiếng.

Từ khi họ Hồ được tiến dụng, giá ngăm bắt đầu đông. Công nói: ‘Người quân tử thấy cơ thì làm, không chờ đến cuối ngày’. Bấy giờ bèn dựng động Thanh Hư ở núi Côn Sơn, huyện Phượng Sơn để làm chỗ lui nghỉ. Động làm xong, Duệ Tông tặng ba chữ ngự bút lớn ‘Thanh Hư động’, nêu ở mặt bia. Nghệ Tông tự chế bài minh bia khắc vào lưng bia.

Công tuy thân gửi suối rừng, mà chí thì ở tông xã, tấm lòng ưu ái chưa từng một ngày quên. Hoặc đi hoặc ở, khi động khi tĩnh, đều là có ý can gián. Rút cục Nghệ Tông đều không xét đến. Do đó, họ Hồ uy thế càng thịnh, kẻ xu phụ ngày càng nhiều, thế nước ngày càng suy, không làm sao được nữa, cái chí lui về hưu của công mới quyết.

Đến cuối cùng, ốm mà không uống thuốc, con cháu có người khuyên thì Công nói: ‘Thời sự như thế, ta được chết là may rồi, sao cهن cầu sống để thấy họa loạn? Công mất chưa được bao lâu, thì họ Hồ quả cướp nước, giết hại con cháu họ Trần không sót. Cái trí sáng suốt thấy trước của Công như thế đó. Thọ sáu mươi lăm tuổi, năm Canh Ngọ tháng 11 ngày 14 mất ở nhà, táng ở núi Tam Giáp huyện Phượng Sơn, phủ Lạng Châu. Làm quan đến chức Nhập nội Kiểm hiệu Tư đồ Bình chương sự quốc Thượng hầu, thụy là Chương Túc. Có *Băng Hồ ngọc hác tập* truyền đời. Con trai con gái có mười một người, sau cuộc binh đao ít người còn sống...’ (Văn Tân dịch)⁽⁸⁾.

2.2. Tâm trạng Trần Nguyên Đán trước thời cuộc

Trong số 51 bài thơ được in trong cuốn *Thơ văn Lí - Trần* (tập 3), ngoài một số bài thù tạc, ca ngợi như: 奉康聖制“觀德殿賜進士及第宴”詩韻 *Phụng canh thánh chế “Quan Đức điện tứ tiến sĩ cập đệ yến” thi vận* (Họa vãn bài thơ “Ban yến” cho những người đỗ tiến sĩ ở điện Quan Đức” của nhà vua), 奉康御制“秋懷”詩韻 *Phụng canh ngự chế “Thu hoài” thi vận* (Họa vãn bài thơ “Thu hoài” của nhà vua), 康試局諸生唱酬佳韻 *Canh thí cục chư sinh xướng thù giai vận* (Họa vãn bài thơ xướng họa của các thí sinh ở trường thi), 奉康太上皇御制題天長府重光宮 *Phụng canh Thái thượng hoàng ngự chế đề Thiên Trường phủ Trùng Quang cung* (Họa bài thơ của Thái thượng hoàng đề ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường) ra, đa phần còn lại chủ yếu là giải bày tâm sự, diễn tả tâm trạng.

2.2.1. Tâm trạng về đất nước và nhân dân

Có lẽ chúng ta dễ nhìn thấy ở Trần Nguyên Đán là tâm trạng về dân về nước. Rất nhiều bài thơ đã diễn tả tâm trạng này.

2.2.1.1. Đời sống của nhân dân thời kì này cực kì khốn khó, đói kém, mất mùa liên tục xảy ra. Quan Tư đồ đau xót kể lại rằng:

“Niên lai hạ hạn hựu thu lâm
Hòa hảo miêu thương hại chuyển thâm”
(*Nhâm Dân lục nguyệt tác*).

(Năm nay mùa hè bị hạn, mùa thu lại bị lụt,

Lúa khô mạ thối, tai hại càng nhiều.”

Hoặc:

“Vạn quốc dân sinh phí đình ngư,
Sóc Yên đông Biện dĩ khâu khư.”

(Dạ qui chu trung tác).

(Người dân muôn nước như cá trong
vạc nước sôi.

Đất Yên phương bắc, đất Biện phương
đông đã thành gò đồng).

Thêm vào đó, tình trạng mua quan bán
tước ở thời.Bằng Hồ vẫn đang tồn tại, mặc
dù tệ nạn này bị các nhà làm sử phê phán từ
lâu. Ông ngâm ngùi than rằng:

“Đồng xú kim do hãn sử bình”.

(Cửu nguyệt đối cức canh ngư chế thi vận).

(Hoi đồng hôi tanh sử xanh đã bình
nay vẫn còn).

Trong thời kì này, giai cấp thống trị
đua nhau đem đất ruộng và nô tì cúng
dường cho nhà chùa. Điều đó làm cho đất
sản xuất ngày càng thu hẹp, lực lượng sản
xuất cũng bị giảm đi. Không những thế,
việc xây dựng chùa chiền, Phật tháp đã
làm nhọc sức dân, tốn nhiều tiền của.
Trong bài *Bảo Nghiêm tháp*, Trần Nguyên
Đán đã mỉa mai và bày tỏ sự đồng cảm
với nỗi vất vả của người dân:

“Nhất tiểu vô ưu trang thất bảo,
Long xà đôi trúc dịch dân lao.”

(Cười cho sự vô lo, đem thất bảo điểm
tô lên tháp,

Chạm trở rồng rắn làm dân phải mệt nhọc).

2.2.1.2. Trước một tình trạng dân
đói, nước loạn, xã hội khủng hoảng, suy
vi khi ấy, Trần Nguyên Đán ước mơ xã
hội có những người tài năng, có đạo đức
để gánh vác sơn hà. Ông đã diễn tả tâm
trạng này qua những câu thơ sau:

“Ngọc thạch tối nghi khu biện biệt,

Loan kê nhẩn sử tịnh phi tường.

Đắc hiền Đồng Tử hưng Viêm Hán,
Truất trực Lưu Phần nhược văn Đường.
Thiên chúa đình ninh dung bác thủ,
Yếu tiên trung đẳng hậu từ chương.”

*(Dụng Hồng Châu Đồng úy Phạm công
vận phụng trình khảo thí chư công)*

(Ngọc đá phải phân biệt cho rõ.

Đừng để phụng với gà bay chung
với nhau,

Được người hiền như Đồng Tử làm
hưng thịnh nhà Hán.

Truất người trung trực như Lưu Phần
làm cho suy yếu nhà Đường,

Chiếu vua cận kề cho phép lấy rộng.

Trước phải xem phần trung chính,
sau hãy xét văn chương).

Hoặc:

“Nhất chú ngư hương thông để khuyết,
Nguyễn văn trung hiếu Trạng nguyên danh.”
(Canh thí cức chư sinh xướng thù giai vận).

(Đốt nén hương vua thâu đến cửa
thượng đế,

Mong được nghe tên vị Trạng nguyên
trung, hiếu).

Hoặc:

“Thừa hi anh tài qui tào giám,
Hành khan hoàng bảng xuất triều đình.”
*(Dụng Đỗ Tôn Trai vận
trình thí viện chư công).*

(Sĩ giỏi, gương văn còn xuất hiện,
Bảng vàng sân chúa hãy quan chiêm).
(Đào Phương Bình dịch).

Hoặc:

“Đấu tướng tông thần giai thức tự,
Lại viên tượng thị diệc năng thi.”

(Đề Quan Lỗ bạ thi tập hậu)

(Tướng võ, quan hầu đều biết chữ,

Thư lại, thợ thuyền cũng làm thơ).

Hoặc:

“Thánh chủ cầu hiền tịch lễ vi,

Hân chiêm quần phượng cửu tiêu phi.

Thương sinh chỉ nhật đương tô tức,

Biên tái vô trần ngục tụng hi.”

(*Tứ Tiến sĩ*)

(Vua thánh cầu người hiền nên mở
khoa thi,

Mừng được xem bầy chim phượng
bay lên chín tầng mây.

Chẳng bao lâu nữa, dân được nghỉ ngơi,

Nơi biên thùy hết giặc, việc kiện tụng
cũng ít đi).

Trần Nguyễn Đán tin tưởng vào tài
năng của những người sau như Nguyễn
Phi Khanh, Nguyễn Hán Anh. Ông luôn
gửi gắm, ủy thác trách nhiệm cứu nước
giúp dân đối với họ. Quan Tư đồ viết:

“Thiên chung vạn vũ Từ vi lang”.

(*Ki tặng Nhị Khê Kiểm
chính viện Ứng Long*)

(Nghìn học lúa, muôn ngôi nhà là
của Từ vi lang).

“An dân tế vật chư công sự”.

(*Họa Hồng châu Kiểm chính vận*)

(Yên dân, giúp đời, sự nghiệp của
các người).

Chu Văn An là vị đại quan thanh
liêm, cương nghị, cũng đã phải thể hiện
niềm cảm khái trước tình trạng suy vi
của triều đại nhà Trần hồi cuối thế kỉ
XIV. Tiểu Ân muốn lánh đời thoát tục,
làm cho Băng Hồ tiếc nuối, ngâm câu
thơ mời gọi, nín kéo Văn Trinh trở lại:

“Huệ trưởng vật kinh cô hạc oán,

Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.”

(*Tặng Chu Tiểu Ân*)

(Trong trường huệ chó sợ chim hạc
cô đơn oán giận,

Bánh xe cỏ bỏ hãy vì dân mà quay
trở lại).

Ngược lại với thực trạng trên, Trần
Nguyễn Đán hết sức vui mừng khi nghe
tin Chu Văn An được bổ chức Tư nghiệp
ở Quốc tử giám, Tư đồ đã làm thơ chúc
mừng và ca tụng:

“Học hải hồi lan tục tái thuận,

Thượng tường Sơn Đẩu đắc tư nhân.

Cùng kinh bác sử công phu đại,

Kính Lão sùng Nho chính hóa tân.

Bổ miệt mang hài qui vĩnh nhật,

Thanh đầu bạch phát dục Nghi xuân.

Huân Hoa chỉ thị thùy thường trị,

Tranh đắc Sào, Do tác nội thần!”

(*Hạ Tiểu Ân Chu tiên sinh
bái Quốc tử giám Tư nghiệp*)

(Thối thuận biển học, sóng tài xoay,

Sơn, Đẩu trường cao được đón thầy.

Rộng sử, thông kinh, công dụng lớn,

Sùng Nho, kính Lão, ki cương hay.

Ngày về núi cũ hải rơm bước,

Xuân tắm dòng Nghi tóc trắng bay.

Nghiêu, Thuần rừ xiêm thành thịnh trị,

Sào, Do đâu có chịu ra tay).

(*Đào Phương Bình dịch*).

Băng Hồ tướng công luôn luôn ước
mơ một xã hội có nhiều người tài được
trọng dụng, hiền sĩ được gánh vác trách
nhiệm. Thế nhưng giai cấp thống trị lại
bảo thủ, cố chấp, không biết sử dụng
hiền tài. Điều đó làm cho Trần Nguyễn
Đán thất vọng, ngậm ngùi, chỉ biết gửi
tâm trạng mình vào câu thơ:

“Nhất bôi cường túy thù giai tiết,
Bất quán liêm hà bạch lộ linh.”

(*Cửu nguyệt hữu nhân lai phòng đồng tác*)
(Một chén guơng say để đáp lại tiết vui,
Chẳng ngại gì lau sậy có móc trắng rơi).

2.2.2. Trần Hiến Tông không có con, Minh Tông thượng hoàng lập người em tên là Hạo làm vua, tức là Trần Dụ Tông. Trần Dụ Tông ăn chơi sa đọa, không có con trai nối nghiệp. Triều đình định lập Cung Định vương là anh Dụ Tông lên làm vua, nhưng bà Hoàng thái hậu nhất định lập người con nuôi của Cung Túc vương là Dương Nhật Lễ. Trần Nghệ Tông thì nhu nhược, tin dùng Hồ Quý Li. Đứng trước một loạt chính biến to lớn như vậy, Trần Nguyên Đán là tôn thất nhà Trần thì không thể không suy nghĩ về nguy cơ dòng tộc của mình. Sách *Thiên Nam ngữ lục* cũng miêu tả tâm trạng này của Tư đồ:

Trong cô ngoài cháu dắc thì,
Tư đồ Nguyên Đán sớm khuya lo phiền.

Quý Li nó đã lộng quyền,
Ta hơi tông thất sau nên hiềm ngờ.

Chính vì vậy Trần Nguyên Đán đã làm bài thơ *Thập cảm* có câu:

“Nhân ngôn kí tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha fiên ái phủ.”

(Đem con mà gửi cho loài quạ,
Chẳng biết quạ già có xót thương?)⁽⁹⁾

2.2.3. Theo như Ngô Sĩ Liên đã viết trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, Trần Nguyên Đán là người biết họ Hồ sắp cướp ngôi, cơ nghiệp nhà Trần sắp hết. Là một đại thần, là một tông thất, thế nhưng Băng Hồ tướng công cũng không

thể xoay sở, đành phải nhắm mắt buông xuôi mà buột những lời than thở:

“Tam vạn quyển thư vô dụng xứ,
Bạch đầu không phụ ái dân tâm.”
(*Nhâm Dẩn niên lục nguyệt tác*)

(Đọc ba vạn cuốn sách mà thành vô dụng,

Bạc đầu luống phụ lòng thương dân).

Hoặc:

“Tam phần đầu bạch thốn tâm đan,
Thế thượng phần phần vạn sự nan.”
(*Mậu Thân chính nguyệt tác*)

(Ba phần tóc trên đầu đã bạc, vẫn tắc lòng son,

Sự đời bối rối, muôn việc khó khăn).

Hoặc:

“Qui chu vị ổn giang hồ mộng,
Phân thù ngư đảng chiếu cổ thư.”
(*Dạ qui chu trung tác*)

(Thuyền về trần trọc khôn yên giấc,
Mượn ánh đèn chài dờ sách coi).

Thời cuộc khủng hoảng suy tàn như vậy, bản thân thì không có biện pháp gì khả dĩ, bởi vì Băng Hồ là bậc tông thần nhưng không còn được dự mưu nữa, chỉ biết dựa theo đời qua chuyện mà thôi (依阿涉世徒爲耳, 白首宗臣不與謀 - 答梁江納言病中 - Y a thiệp thế đồ vi nhĩ, bạch thủ tông thần bất dự mưu - *Đáp Lương Giang nạp ngôn bệnh trung*). Ông cho rằng việc ban ngày bay lên trời còn dễ, chứ việc giúp vua để vua được như Nghiêu, Thuấn mới khó (白日升天易. 致君堯舜難 Bạch nhật thăng thiên dị, Trí quân Nghiêu Thuấn nan - *Đề Huyền Thiên quán*). Cho nên Trần Nguyên Đán chỉ

muốn rút lui khỏi chốn quan trường, trở về ở ẩn, sống cuộc đời hành tàng ẩn ngùi còn lại. Ông diễn tả tâm trạng của mình qua những vần thơ:

"Lầm kính tự tâm duy nhất sự,
Lực phù suy bệnh tác Tam công."

(Ngẫu đề)

(Trông gương chỉ then có một việc,
Đó là cố chống đỡ với già bệnh để
giữ chức Tam công).

Hoặc:

"Khê biên tiêu tụy nại khinh tuyết,
Trúc ngoại ưu du đãi chúng phương."

(*Gia đệ kiến Tiêu đô đốc thị tào
mai thi nhân canh kì vận dĩ tặng*)

(Phò phạc bên bờ khe quen với tuyết nhẹ,
Thảnh thơi ngoài khóm trúc, chờ các
loài hoa).

Hoặc:

"Thập niên chính tinh phụ thu đăng,
Tùng hạ hành ngâm ý sáu đăng.
Tuý mã vọng trần vô tục khách,
Khẩu môn vấn tự hữu thi tăng."

(*Sơn trung khiển hứng*)

(Mười năm chính tinh phụ đèn xưa,
Chống gậy bên thông đăng đọc thơ.
Theo ngựa trông vời không khách tục,
Hỏi thơ gõ cửa có nhà sư).

(Nguyễn Đức Vân dịch)

Hoặc:

"Tào khước khâm hoài trần vạn học,
Niên lai thiết thạch tác tâm trường."

(*Chính Túc vương gia yển tịch thượng
phủ mai thi thứ Giới Hiên Bộc xạ vận*)

(Quét sạch muôn bụi học trong lòng,
Gần đây lòng dạ đã thành sắt đá).

Rời bỏ triều đình, trở về ẩn dật, thế nhưng Trần Nguyên Đán lúc nào cũng

quan tâm đến việc đời vận nước. Do vậy ông chỉ biết mong rằng bệnh của mình không khỏi, hoặc là ngậm nga, hoặc là cố chìm vào giấc ngủ để quên đi tất cả mọi sự trên đời. Tư đồ đã viết:

"Bệnh dữ bất như do bệnh thời."

(*Bất mị*)

(Thà bệnh còn hơn lúc bệnh lành).

"Tâm tự hảo tùy ngâm lí tĩnh,

Trần duyên tu hướng thụ trung hưu."

(*Dạ thâm ngẫu tác*).

(Lòng cũng nguôi nguôi trong lúc
ngậm nga,

Duyên nợ cuộc đời, ngủ đi là xong hết).

Cuối cùng, Bạng Hồ cũng đã đi vào giấc ngủ ngàn thu trước khi nhìn thấy cơ đồ nhà Trần rơi vào tay Hồ Quý Li, giang sơn Đại Việt bị giày xéo bởi quân Minh xâm lược. Tâm trạng của Tư đồ đã trở thành dĩ vãng, chúng ta ngày nay cần nghiên cứu để thấu hiểu một con người như ông.

N.H.T

Chú thích:

(1) Bài viết này được hoàn thành với sự giúp đỡ của Quĩ Hán Nôm - Harvard-Yenching và cán bộ Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nhân đây tác giả bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc.

(2) Lựt lớn, vỡ đề trong các năm: 1336, 1338, 1348, 1351, 1352, 1355, 1359, 1360, 1378; hạn hán trong các năm: 1343, 1345, 1348, 1355, 1358, 1374, 1378.

(3) Phần thơ trích dẫn trong bài chúng tôi lấy từ *Thơ văn Lí - Trần*, tập 3 do Viện Văn học biên soạn, Nxb. KHXH, H. 1978. Ngoài ra, những trích dẫn từ tài liệu khác, chúng tôi đã có chú thích riêng.

(4) Nguyễn Thị Lâm khảo cứu, sưu tầm, biên soạn, *Thiên Nam ngữ lục*, Nxb. Văn học & Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, H. 2001.

(5) Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, Nxb. Đà Nẵng, 2003.

(6) Bùi Văn Nguyên: *Văn chương Nguyễn Trãi*, Nxb. ĐHQGHN, H. 1984.

(7) Nguyễn Trãi toàn tập tân biên. (Mai Quốc Liên chủ biên), Nxb. Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2001.

(8) Hiện nay có rất nhiều tài liệu chưa thống nhất về năm sinh của Trần Nguyên Đán. Về cơ bản chia làm hai loại ý kiến: 1/ Cho rằng Trần Nguyên Đán sinh vào năm Canh Thân 1320; 2/ Cho rằng Trần Nguyên Đán sinh vào năm Ất Sửu 1325. Theo ý kiến thứ nhất bao gồm những tài liệu sau:

1/ *Lược truyện tác gia Việt Nam*, tập 1, Nxb. KHXH, H. 1974; *Những gương mặt trí thức*, tập 2, Nxb. VH-TT, H. 1998. Theo ý kiến thứ hai bao gồm những tài liệu sau: *Từ điển văn hóa Việt Nam*, Nxb. VH-TT, H. 1993; *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỉ XIX*, Nxb. ĐHQGHN, H. 2005; *Từ điển văn học*, tập 2, Nxb. KHXH, H. 1984; *Thơ văn Lí - Trần*, tập 3; *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 3, Nxb. KHXH, H. 2000; *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. VH-TT, H. 1999; *Giáo trình Hán văn Lí - Trần*, Nxb. ĐHQGHN, H. 2001; *Nam Ông mộng lục*, Nxb. Văn học, H. 1999; *Tên tự, tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 2002.

(9) *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb. KHXH, H. 1993./.